

Bản án số: 235/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09 – 11 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 471/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp TT A, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Xuân Đ, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp TT A, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn C trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh C và chị Đ chung sống với nhau từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do mâu thuẫn, không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương nhau, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí C1, sinh ngày 14/01/2004 và Nguyễn Chí G, sinh ngày 15/9/2006. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận anh C tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Trí C1, chị Đ tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Chí G. Không đặt ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Anh C xác định không có.

** Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Xuân Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời gian vợ chồng chung sống, không đi đăng ký kết hôn, thời gian ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn như anh C trình bày là đúng. Chị Đ xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị Đ thống nhất theo yêu cầu của anh C.

- Về tài sản chung và nợ: Chị Đ xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Xuân Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh C và chị Đ chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hòa hợp, anh chị đã ly thân hơn ba năm, nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên anh C yêu cầu được ly hôn, chị Đ đồng ý.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay anh chị đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh C và chị Đ thống nhất thỏa thuận anh C nuôi cháu Nguyễn Trí C1, chị Đ nuôi cháu Nguyễn Chí G. Tại biên bản ghi nguyện vọng của các con chung, cháu Trí C1 có nguyện vọng sống cùng anh C, cháu Chí G có nguyện vọng sống cùng chị Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của cháu Trí C1 và cháu Chí G. Do đó, cần giao cháu Trí C1 cho anh C và giao cháu Chí G cho chị Đ cùng tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Châu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn C và chị Trần Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Trí C1, sinh ngày 14/01/2004 cho anh Nguyễn Văn C và giao Nguyễn Chí G, sinh ngày 15/9/2006 cho chị Trần Xuân Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh C và chị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011050 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh C đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc

